

Bản án số: 542/2020/HS-PT
Ngày: 17 -9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thịnh

Các thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh

Ông Nguyễn Văn H

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Anh - Thư ký Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện viện kiểm sát Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 43/2020/TLPT-HS ngày 09 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Phùng Hồng H và đồng phạm.

Do có kháng cáo của bị cáo Phùng Hồng H và các bị cáo khác đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2019/HS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án Nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Phùng Hồng H (H), sinh năm 1977 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: làm mướn; Trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Con ông Phùng M và bà Trương Ánh N; Vợ tên Nguyễn Thị Ngọc B (đã ly hôn); Có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2010; Tiền sự: không.

Tiền án: Tại bản án hình sự số 24/2014/HS-ST ngày 21/01/2014 của Tòa án Nhân dân Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 05 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2017. Chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 25/3/2018, chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt)

2. Phạm Hồng T (Đ), sinh năm 1993 tại Tây Ninh. Nơi cư trú: Nội ô B, Thanh Bình B, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Phạm Văn Vĩ và bà Võ Thị Cúc; Có vợ tên Trần Ngọc Hiền, sinh năm 1992; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 24/3/2018, chuyển tạm giam cho đến nay.(có mặt)

3. Nguyễn Thị Ngọc T1 (t), sinh năm 1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú:., Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Con ông Nguyễn Duy K và bà Nguyễn Thị Ngọc Y (chết); Chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị tạm giữ ngày 26/3/2018, chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt)

4. Lê Quốc T2, sinh năm 1991 tại thành phố Cần Thơ. Nơi cư trú: thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: không có; Trình độ văn hóa: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Lê Quốc T (chết) và bà Huỳnh Thị Thu H; vợ con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 25/3/2018, chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt)

5. Triệu Quang K (C), sinh năm 1999 tại Tây Ninh. Nơi cư trú: tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: không có; Trình độ văn hóa: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Triệu Quang H và bà Nguyễn Thị L; vợ con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 24/3/2018, chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt)

6. Nguyễn Hoàng S (S Chim), sinh năm 1993 tại Tây Ninh. Nơi cư trú: ấp tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: không có; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Cao Đài; Con ông Nguyễn Văn Diễm và bà Trương Thị Liễu; vợ con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 24/3/2018, chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt)

7. LS, sinh năm 1984 tại Ta Bôn Kha Mum. Nơi cư trú: tỉnh Ta Bôn Kha Mum, Vương quốc Campuchia; Nghề nghiệp: làm rẫy; Trình độ văn hóa: không biết chữ; Quốc tịch: Campuchia; Dân tộc: Khơ me; Tôn giáo: Phật giáo; Con ông Lim Lanh và bà Leng; Có vợ tên Khem SiNat; Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt ngày 22/3/2018, tạm giữ ngày 23/3/2018, chuyển tạm giam

cho đến nay. (có mặt)

8. BB, sinh năm 1967 tại Campuchia. Nơi cư trú: vương quốc Campuchia; Nghề nghiệp: xe ôm; Trình độ văn hóa: 7/12; Quốc tịch: Campuchia; Dân tộc: Khơ me; Tôn giáo: Phật giáo; Con ông Buy Thak (chết) và bà Iu Nương (chết); Có vợ tên Dung Hean; Có 04 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất 07 tuổi; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt ngày 22/3/2018, tạm giữ ngày 23/3/2018, chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Phùng Hồng H:* Luật sư Hồ Thành Đ - Công ty Luật TNHH GCI và các cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Hồng T:* Luật sư Nguyễn Văn T – Văn phòng Luật sư Mai Trung Tín, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Quốc T2:* Luật sư Nguyễn Hữu T – Công ty Luật TNHH Dư Niên, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T1:* Luật sư Đinh văn L – Công ty Luật TNHH Đinh Nguyễn, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Triệu Quang K:* Luật sư Nguyễn Hữu T – Công ty Luật TNHH Dư Niên, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo LS:* Luật sư Lê Thị Kim D và Luật sư Lê Văn D - Công ty Luật Sài Gòn Việt Luật, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo BB:* Luật sư Lê Văn D, và Luật sư Lê Thị Kim D - Công ty Luật Sài Gòn Việt Luật, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người phiên dịch:* LM, sinh ngày 01/01/1997

Nơi đăng ký hộ khẩu: Cambodian

Số hộ chiếu: N00323288 cấp ngày 16/10/2015; Nơi cấp: Phnom Penh. (có mặt)

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo Ngô QA, Nguyễn TS và một số

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo nên Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 21 giờ ngày 22/3/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với LS và BB quốc tịch Campuchia, đang giữ 01 ba lô nghi là chất ma túy từ nhà trọ Phúc Hậu, thuộc ấp Thanh tân, xã Thanh Tây, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh để đem về Campuchia. Tang vật thu giữ gồm: 01 ba lô màu đen hiệu Nike, bên trong gồm có: 03 bìch nylon màu vàng được hàn kín, lần lượt có kích thước (15x15x17)cm, (15x17x17)cm; (15x17x17)cm; bên ngoài có dán kèm 01 bìch nylon màu trắng được hàn kín, bên trong có chứa tinh thể màu trắng; 01 bìch nylon màu trắng đục được hàn kín, có kích thước (18x15x4)cm, bên trong chứa nhiều viên dạng nén màu xanh, bề mặt có in hình hoa văn; 01 bìch nylon không rõ hình, miệng bìch có buộc dây thun màu vàng, bên trong có chứa chất bột màu trắng; 01 miếng vải màu đỏ quần băng keo bên trong có 01 vật bằng kim loại hình dáng khẩu súng, trên thân có ghi 1871; 01 hộp kim loại hình tiếp đạn; 06 vật bằng kim loại hình viên đạn, trong đó có 05 đầu vật kim loại có ký tự giống nhau PMG9MMLUGER và 01 đầu vật kim loại có ký tự THAIARMS 9mm và một số công cụ, phương tiện khác.

Qua điều tra xác định: Vào ngày 17/3/2018, tại thành phố Phnôm Pênh, Vương quốc Campuchia, LS gặp người đàn ông tên Thu (không rõ họ tên, địa chỉ) đặt vấn đề thuê LS vận chuyển ma túy từ Campuchia về Việt Nam với giá tiền công 500USD và kêu rủ thêm người cùng tham gia thì LS đồng ý. Sau đó LS rủ thêm BB và một người đàn ông tên Út (không rõ họ tên, địa chỉ) ở khu vực Cửa khẩu Xa Mát, thuộc xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh cùng tham gia. Ngày 19/3/2018, Thu giao cho LS 01 ba lô bên trong có chứa ma túy và 01 khẩu súng K59 cùng 06 viên đạn và số tiền 500USD, LS đem về nhà cất giấu tại xã Tro Peng Phlong, huyện Pô Nhia Ka Ret, tỉnh Ta Bôn Kha Mum, vương quốc Campuchia. Đến ngày 20/3/2018, LS giao cho BB chiếc ba lô có chứa ma túy cùng khẩu súng và tiền công 200USD để chuyển về Việt Nam, BB dùng xe mô tô biển số 1A-5342 chuyển qua đường tiểu ngạch Trạm 2, gần khu vực Cửa khẩu Xa Mát, giao cho Út để tiếp tục chuyển về Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 22/3/2018, Út điện thoại báo cho LS biết không giao được ma túy cho người ở Thành phố Hồ Chí Minh và kêu LS qua Việt Nam nhận lại. LS

kêu BB dùng xe mô tô biển số 1A-5342 đến phòng số 7 nhà trọ Phúc Hậu, thuộc ấp Thạnh Tân, xã Thạnh Tây, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận lại ma túy. Khi đến nhà trọ, BB đứng ngoài chờ còn LS vào phòng nhận ba lô, khi vừa ra khỏi phòng thì bị Công an giữ.

Sau khi bị bắt, ngày 23/3/2018, LS xin hợp tác với cơ quan Điều tra được tiếp tục liên lạc với Thu để mở rộng điều tra vụ án và được chấp nhận. LS điện thoại cho Thu yêu cầu cho người đến phòng số 13 Khách sạn Tấn Đạt thuộc xã Hiệp Tân, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh để nhận ma túy. Do Thu với Tha là cùng 1 chủ bán ma túy cho H nên Tha đồng ý cho người đến nhận ma túy. Sau đó Tha điện thoại cho Phùng Hồng H để xin số điện thoại của Phạm Hồng T; Tha điện thoại thuê T đến khách sạn Tấn Đạt nhận ma túy chuyển về Thành phố Hồ Chí Minh giao cho Phùng Hồng H với tiền công là 20.000.000 đồng và cung cấp số điện thoại của LS cho T biết, thì T đồng ý. T gặp H tại Thành phố Hồ Chí Minh hỏi mượn xe ô tô biển số 51G-135.25 để đi Tây Ninh chuyển ma túy, H đồng ý. Trên đường đi, T điện thoại kêu Triệu Quang K đến phòng số 13 khách sạn Tấn Đạt gặp hai người Campuchia nhận ma túy. T điện thoại phân công Nguyễn Hoàng S đến khách sạn Tấn Đạt thuê phòng nghỉ để kiểm tra tình hình sau đó ra đứng trước cửa khách sạn Tấn Đạt cảnh giới cho K đến nhận ma túy. T phân công cho K sau khi nhận ma túy xong thì giao lại cho S đem về huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh giao cho T để chuyển về Thành phố Hồ Chí Minh. S rủ bạn gái là Phan Thị Mộng Cầm đến khách sạn Tấn Đạt thuê phòng số 5, khoảng 20 phút sau T điện thoại kêu S ra trước cổng khách sạn Tấn Đạt cảnh giới. Khi K đến khách sạn Tấn Đạt nhận bịch ma túy từ LS còn S đang đứng cảnh giới bên ngoài thì bị bắt giữ. T chờ lâu không thấy K và S điện thoại thông báo việc nhận ma túy và không liên lạc được với K và S, nên điện thoại kêu Huỳnh Hà Song và Phùng Ngọc Tân đến khách sạn Tấn Đạt để nắm tình hình thì bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh mời về trụ sở làm việc.

Trên cơ sở lời khai và kết quả nhận dạng, ngày 24/3/2018, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh tiến hành bắt khẩn cấp đối với Phạm Hồng T.

T, S và K khai nhận việc vận chuyển ma túy từ Tây Ninh đem về Thành phố Hồ Chí Minh giao cho Phùng Hồng H để nhận tiền công với giá 20.000.000 đồng. Ngày 24/3/2018, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh tiến hành bắt khẩn cấp đối với Phùng Hồng H, Ngô QA, Lê Quốc T2, Nguyễn TS và Nguyễn Thị Ngọc Thùv đang tập trung tại phòng số 12.07 BlockB, chung cư RuBy Land, thuộc phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Hồng T và Lê Quốc T2 tại phòng số 12.07 BlockB, chung cư RuBy Land, thuộc phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú Thành phố

Hồ Chí Minh và nơi ở của Phùng Hồng H, Nguyễn Thị Ngọc T1 và Ngô QA tại số 73 đường Thạch Lam, phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, thu giữ nhiều bạch ma túy các loại tiền vàng, đạn quân dụng và một số công cụ, phương tiện khác.

Kết quả điều tra thể hiện Phùng Hồng H và Nguyễn Thị Ngọc T1 chung sống như vợ chồng và thuê nhà số 73 đường Thạch Lam, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 01/2018 để bán quán cà phê. Trong thời gian này, H câu kết với Ngô QA, Lê Quốc T2 và Nguyễn TS mua ma túy từ Campuchia về bán cho người sử dụng ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh. H thuê phòng số 12.07 BlockB, chung cư Ruby Land thuộc phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cho T2 và T cùng bạn gái của T là Huỳnh Thị Yến Nhi ở; đồng thời thuê cho QA cùng bạn gái của QA là Lê Thị K Trâm phụ bán quán cà phê tại số 73 đường Thạch Lam, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. H là người tổ chức đường dây mua bán trái phép chất ma túy, trực tiếp liên lạc với người bán ma túy ở Campuchia tên Tha và A Lĩnh để đặt mua ma túy, phân công QA, T2 và Sơn luân phiên nhận ma túy và cảnh giới cơ quan Công an tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh cho người vận chuyển từ Campuchia về phòng số 12.07 BlockB, chung cư RuBy Land cất giấu. Sau đó, H đem về nhà số 73 đường Thạch Lam, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cất giấu và phân chia thành những gói nhỏ để bán; QA còn giúp H cất giấu ma túy trong phòng ngủ, ghi chép số lượng ma túy nhập vào, bán ra; T2, Sơn, QA thực hiện việc đi giao ma túy cho người mua và nhận tiền bán ma túy đem về giao lại cho H, mỗi lần lấy ma túy đi giao đều theo sự chỉ đạo của H; khoảng 10 ngày H trả tiền công cho QA, T2, Sơn một lần từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, cụ thể H đã trả tiền.

công cho T2 60.000.000 đồng, trả cho Sơn và QA mỗi người 10.000.000 đồng.

Nguồn gốc ma túy do H trực tiếp liên lạc qua điện thoại với người phụ nữ tên Tha hoặc A Lĩnh ở Campuchia. Trong tháng 3/2018, H đã mua ma túy của Tha 4 lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất khoảng giữa tháng 3/2018, H mua 01 kilogam ma túy dạng Ketamin và 2.000 viên ma túy tổng hợp dạng viên nén (thuốc lắc) với giá 32.000 USD, do T, K và S nhận ma túy từ người đàn ông tên Quýt (không rõ họ tên, địa chỉ) tại khu vực đường tiểu ngạch thuộc xã Phước Chỉ, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, chuyển đến gần bến xe An Sương thuộc Thành phố Hồ Chí Minh thì điện thoại báo T2 ra cảnh giới đem về phòng số 12.07 Block B chung cư RuBy Land, giao cho T2 và nhận 20.000.000 đồng. Trong lần này T chia cho K 1.500.000 đồng, cho S 700.000 đồng và dẫn đi ăn uống, hát karaoke.

Lần thứ hai cũng khoảng giữa tháng 3/2018, H mua 01 kilogram ma túy dạng Ketamine và 2000 viên ma túy tổng hợp dạng viên nén (thuốc lắc) với giá 32.000USD, không rõ người vận chuyển đem đến khu vực bến xe Miền Tây, do QA trực tiếp nhận, còn T2 và Sơn cảnh giới cho QA chuyển về phòng 12.07 BlockB chung cư Ruby Land, sau đó chuyển về số 73 Thạch Lam giao cho H.

Lần thứ ba, cũng trong tháng 3/2018, huy mua 01 kilogram ma túy dạng đá (Methamphetamine) với giá 13.000USD, không rõ người vận chuyển đến khu vực bến xe An Sương, do QA trực tiếp nhận, còn T2 và Sơn cảnh giới chuyển về số 73 Thạch Lam giao cho H.

Lần thứ tư, vào ngày 21/3/2018, đặt mua 1 kilôgam ma túy dạng Ketamin với số tiền 20.000USD. Đến ngày 23/3/2018 T, K, S đang đi đến khách sạn Tấn Đạt nhận ma túy để chuyển từ Tây Ninh về Thành phố Hồ Chí Minh thì bị bắt giữ cùng tang vật.

Ngoài ra, H còn mua ma túy của người đàn ông gốc Hoa, tên A Lĩnh ở Campuchia vào khoảng đầu tháng 3/2018, mua 01 kilôgam ma túy đá với giá 13.000USD, do H không biết tiếng T2 Quốc nên nhờ Nguyễn Thị Ngọc T1 liên lạc với A Lĩnh thông qua mạng wechat để thỏa thuận giá, cách thức giao nhận. H nhờ T1 nói chuyện với A Lĩnh kêu đem ma túy giao cho người đàn ông tên Quýt (không rõ họ tên, địa chỉ) tại Campuchia. Sau đó K đi đường tiểu ngạch Phước Chi qua Campuchia gặp Quýt nhận giỏ xách chứa ma túy giấu trong cốp xe mô tô đem về khu vực ngã tư Hữu Nghị thuộc huyện Bến cầu, tỉnh Tây Ninh, gặp T và S đi xe ô tô đến đón. K đưa xe mô tô cho S chạy về, K cầm ma túy lên xe ô tô rồi cùng với T vận chuyển ma túy về phòng số 12.07 RlockB, chung cư RuBy Land giao cho T2 và nhận 20.000.000 đồng do H đưa cho T2 giao trả tiền công cho T. Trong lần này T chia cho K 01 thẻ kim loại vàng và 01 nhẫn vàng trị giá 1.900.000 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo H, QA, T2, Sơn, T1, T, S, K, LS và BB đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Kết luận giám định số 239/KL-KTHS ngày 29/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận (đối với nhóm của LS và nhóm của T vận chuyển): Mẫu tinh thể màu trắng bên trong 01 bịch nylon màu vàng có kích thước (15x17x07)cm (kí hiệu M1) gửi đến giám định là ma túy, là loại Methamphetamine, khối lượng 937,6665gam; Mẫu tinh thể màu trắng bên trong 01 bịch nylon màu trắng (kí hiệu M2) gửi đến giám định là ma túy, là loại Methamphetamine, khối lượng 47,6413gam; Mẫu tinh thể màu trắng bên trong 01 bịch nylon màu vàng có kích thước (15x17x07)cm (kí hiệu M3) gửi đến giám định là ma túy, là loại Methamphetamine, khối lượng 932,9813gam; Mẫu tinh thể màu trắng bên trong 01 bịch nylon màu trắng (kí hiệu M4) gửi đến giám định là ma túy, là

loại Methamphetamine, khối lượng 48,5996gam; Mẫu tinh thể màu trắng bên trong 01 bịch nylon màu vàng có kích thước (15x15x07)cm (kí hiệu M5) gửi đến giám định là ma túy, là loại Methamphetamine, khối lượng 949,4758gam; Mẫu tinh thể màu trắng bên trong 01 bịch nylon màu trắng (kí hiệu M6) gửi đến giám định là ma túy, là loại Methamphetamine, khối lượng 47,9844gam; Mẫu chất bột màu trắng bên trong 01 bịch nylon màu trắng, miệng có buộc dây thun màu vàng (kí hiệu M7) gửi đến giám định là ma túy, là loại Ketamine, khối lượng 994,9465gam; Mẫu 2.607 viên nén màu xanh trên bề mặt có in hình hoa văn bên trong 01 bịch nylon màu trắng đục (ký hiệu M8) gửi đến giám định là chất ma túy, là loại N-Methyl-3,4-Methylenedioxyamphetamine (gọi tắt MDMA), khối lượng 901,0745gam.

Kết luận giám định số 232/KL-KTHS ngày 29/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận (đối với nhóm của H thu tại chung cư RuBy Land và tại nhà số 73 Thạch Lam): Mẫu tinh thể trong suốt bên trong 01 bịch nylon màu trắng (kí hiệu M1) gửi đến giám định là chất ma túy, là loại Methamphetamine, khối lượng 3,9588 gam; Mẫu tinh thể trong suốt bên trong 01 bịch nylon màu trắng (kí hiệu M2) gửi đến giám định là chất ma túy, là loại Methamphetamine, khối lượng 2,2499 gam; Mẫu tinh thể trong suốt bên trong 01 bịch nylon màu trắng (kí hiệu M3) gửi đến giám định là chất ma túy, là loại Methamphetamine, khối lượng 0,7171 gam; Mẫu 03 viên nén màu xanh có hình mặt quỷ (kí hiệu M4-1) gửi đến giám định là chất ma túy, là loại N-Methyl-3,4-Methylenedioxyamphetamine (gọi tắt MDMA), khối lượng 1,2231 gam; Mẫu 02 viên nén màu xanh dương có hình mặt quỷ (kí hiệu M4-2) gửi đến giám định là chất ma túy, là loại N-Methyl-3,4- Methylenedioxyamphetamine (gọi tắt MDMA), khối lượng 0,6918 gam; Mẫu 04 viên nén màu hồng hình domino (kí hiệu M4-3) gửi đến giám định là chất ma túy, là loại N-Methyl -3,4-Methylenedioxyamphetamine (gọi tắt MDMA), khối lượng 1,3934 gam; Mẫu 02 viên nén màu xanh hình bông mai (kí hiệu M4-4) gửi đến giám định là chất ma túy, là loại N-Methyl-3,4- Methylenedioxyamphetamine (gọi tắt MDMA), khối lượng 0,6493 gam; Mẫu 01 viên nén màu hồng vỡ làm hai (kí hiệu M4-5) gửi đến giám định là chất ma túy, là loại N-Methyl-3,4-Methylenedioxyamphetamine (gọi tắt MDMA), khối lượng 0,2785 gam; Mẫu tinh thể trong suốt bên trong 01 bịch nylon màu trắng (kí hiệu M5) gửi đến giám định là chất ma túy, là loại Ketamine, khối lượng 1,4758 gam; Mẫu chất bột bên trong 01 bịch nylon màu trắng (kí hiệu M6) gửi đến giám định là chất ma túy, là loại Ketamine, khối lượng 1,2239 gam; Mẫu tinh thể trong suốt bên trong 01 bịch nylon màu trắng (kí hiệu M7) gửi đến giám định là chất ma túy, là loại Methamphetamine, khối lượng 49,8166 gam; Mẫu chất bột màu hồng bên trong

01 bịch nylon màu trắng (kí hiệu M8) gửi đến giám định là chất ma túy, là loại N-Methyl-3,4- Methylenedioxyamphetamine (gọi tắt MDMA), khối lượng 20,4415 gam; Mẫu chất bột màu trắng bên trong 01 bịch nylon màu trắng (kí hiệu M9) gửi đến giám định không phải là chất ma túy, khối lượng 976,8934 gam; Mẫu 3.465 viên nén màu xanh bên trong 40 bịch nylon màu trắng (kí hiệu M10-1) gửi đến giám định là chất ma túy, là loại N-Methyl-3,4- Methylenedioxyamphetamine (gọi tắt MDMA), khối lượng 1558,6350 gam; Mẫu 606 viên nén màu hồng nhạt bên trong 7 bịch nylon (kí hiệu M10-2) gửi đến giám định là chất ma túy, là loại N-Methyl-3,4- Methylenedioxyamphetamine (gọi tắt MDMA), khối lượng 195,0815 gam; Mẫu 1.203 viên nén màu hồng bên trong 13 bịch nylon (kí hiệu M10-3) gửi đến giám định là chất ma túy, là loại N-Methyl-3,4- Methylenedioxyamphetamine (gọi tắt MDMA), khối lượng 468,2503 gam; Mẫu 1.017 viên nén màu xanh lá cây đậm bên trong 11 bịch nylon (kí hiệu M10-4) gửi đến giám định là chất ma túy, là loại N-Methyl-3,4- Methylenedioxyamphetamine (gọi tắt MDMA), khối lượng 351,8403 gam; Mẫu 63 viên nén màu xanh lá cây nhạt bên trong 02 bịch nylon (kí hiệu M10- 5) gửi đến giám định là chất ma túy, là loại N-Methyl-3,4- Methylenedioxyamphetamine (gọi tắt MDMA), khối lượng 22,1605 gam; Mẫu 45 viên nén màu vàng nhạt bên trong 01 bịch nylon (kí hiệu M10-6) gửi đến giám định là chất ma túy, là loại N-Methyl-3,4- Methylenedioxyamphetamine (gọi tắt MDMA), khối lượng 18,3116 gam; Mẫu tinh thể trong suốt bên trong 08 bịch nylon màu trắng gửi đến giám định gồm: 05 bịch nylon (kí hiệu M11-1) là chất ma túy, là loại Methamphetamine, khối lượng 260,8471 gam và 03 bịch nylon (kí hiệu M11-2) là chất ma túy, là loại Ketamine, khối lượng 149,9197 gam; Mẫu chất bột màu trắng bên trong 02 bịch nylon (kí hiệu M12) gửi đến giám định là chất ma túy, là loại Ketamine, khối lượng 57,6778 gam; Mẫu chất bột màu hồng bên trong 02 bịch nylon (kí hiệu M13) gửi đến giám định là chất ma túy, là loại N-Methyl- 3,4-Methylenedioxyamphetamine (gọi tắt MDMA), khối lượng 7,6769 gam; Mẫu tinh thể trong suốt bên trong 07 bịch nylon gửi đến giám định gồm: 06 bịch nylon (kí hiệu M14-1) là chất ma túy, là loại Methamphetamine, khối lượng 600,0208 gam và 01 bịch nylon (kí hiệu M14-2) là chất ma túy, là loại Ketamine, khối lượng 99,9247 gam; Mẫu 250 viên nén màu cam bên trong 02 bịch nylon (kí hiệu M15) gửi đến giám định là chất ma túy, là loại Nimetazepam, khối lượng 46,6668 gam.

Kết luận giám định số 248/KL-KTHS ngày 29/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận (thu trên người của T): Mẫu tinh thể

màu trắng bên trong 02 gói nylon màu trắng (kí hiệu M) gửi đến giám định là chất ma túy, là loại Methamphetamine, khối lượng 7,9329 gam.

Kết luận giám định số 1463/C54B ngày 27/3/2018 của Phân viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 01 khẩu súng ngắn, số hiệu 1871 gửi đến giám định là súng quân dụng K59, không rõ nước sản xuất, cỡ nòng 9mm, sử dụng loại đạn (9x18)mm; 06 viên đạn chưa bắn kí hiệu 9mm LUGER PMC (05 viên) và THAIARM 9mm (01 viên) là đạn quân dụng cỡ nòng (9x18)mm, không đủ cơ sở xác định nước sản xuất; 20 viên đạn chưa bắn ký hiệu A USA 9mm LUGER là đạn quân dụng cỡ (9x19)mm, không đủ cơ sở xác định nước sản xuất; 01 khẩu súng ngắn, số hiệu A162340262 nguyên là súng hơi cỡ nòng 4,5mm thuộc danh mục súng săn, sử dụng khí nén để bắn đạn hình mũi dù cỡ 4,5mm, hiện tại không có bình khí nén, cơ cấu nạp đạn không hoạt động do đó không đủ cơ sở xác định tác dụng của khẩu súng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2019/HS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án Nhân dân tỉnh Tây Ninh đã Tuyên xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Phùng Hồng H (H), Nguyễn Thị Ngọc T1 (Út), Ngô QA, Lê Quốc T2 và Nguyễn TS phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Bị cáo Phạm Hồng T (Đại) phạm các tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Các bị cáo Triệu Quang K (Cóc) và Nguyễn Hoàng S (S Chim) phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

Các bị cáo LS và BB phạm các tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và “Vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng”.

1/ Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm a, g, h khoản 1 Điều 52; Điều 40 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Phùng Hồng H (H) Tử hình**. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo được gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước.

2/ Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 250; điểm t, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 40 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Phạm Hồng T (Đại) Tử hình** về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Phạm Hồng T (Đại) 07 (bảy) năm tù** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt cả hai tội, Buộc bị cáo **Phạm Hồng T (Đại) phải chấp hành hình phạt chung là Tử hình**. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo được gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước.

3/ Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 39 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc T1 (Út) tù Chung thân**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/3/2018.

4/ Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 39 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lê Quốc T2 tù Chung thân**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/3/2018.

5/ Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 39 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Triệu Quang K (Cóc) tù Chung thân**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/3/2018.

6/ Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng S (S Chim) 20 (hai mươi) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/3/2018.

7/ Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 250; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 40 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo LS Tử hình về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **LS 06 (sáu) năm tù** về tội “Vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng”

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội. Buộc bị cáo **LS phải chấp hành hình phạt chung là Tử hình**. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo được gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước.

8/ Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 39 của Bộ luật Hình sự; xử phạt **bị cáo BB tù Chung thân** về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt **bị cáo BB 05 (năm) năm tù** về tội “Vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội. Buộc bị cáo **BB phải chấp hành hình phạt chung là tù Chung thân**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/3/2018.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Ngô QA tù chung thân, xử phạt bị cáo Nguyễn TS 20 năm tù, quyết định về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Ngô QA và Nguyễn TS không kháng cáo. Vào các ngày 03, 04, 05 và 09/12/2019 các bị cáo **Phùng Hồng H, Lê Quốc T2, Nguyễn Thị Ngọc T1, Phạm Hồng T, Triệu Quang K, Nguyễn Hoàng S, Lim so Thea và Buy Bun Ly** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đến ngày 27/7/2020 bị cáo Nguyễn Hoàng S có đơn xin rút kháng cáo với lý do mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là phù hợp. Ngày 03/8/2020 Tòa án Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành thông báo số 40/2020/TB-TA về việc rút kháng cáo đối với bị cáo S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm quy kết, các bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ của các bị cáo. Riêng bị cáo BB thay đổi kháng cáo cho rằng bị cáo không biết trong ba lô có ma túy và súng, bị cáo hành nghề xe ôm nên chỉ được LS thuê chở qua Việt Nam, bị cáo hoàn toàn không biết gì.

Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm phát biểu: Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa thấy rằng; Đây là vụ án có tổ chức; bị cáo Phùng Hồng H đã câu kết chặt chẽ với các bị cáo

Ngô QA, Lê TS để mua ma túy của người phụ nữ tên Tha, người đàn ông tên A Lĩnh từ Campuchia đem về Việt Nam nhằm mục đích bán cho người khác với tổng khối lượng ma túy bị bắt quả tang và thu giữ khi khám xét nơi ở của các bị cáo là 8.775,2939 gram ma túy gồm các loại: Methamphetamine có khối lượng 3.875,7505 gram; N-Methyl-3,4-Methylenedioxyamphetamine (MDMA) khối lượng 3.547,7082 gram; Ketamine có khối lượng 1.305,1648 gram và Nimwetazepam có khối lượng 46,6668 gram. Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T1 biết H mua bán ma túy nhưng vẫn giúp sức cho H mua của A Lĩnh 01 kg ma túy đá (Methamphetamine).

Bị cáo Phạm Hồng T, Nguyễn Hoàng S và Triệu Quang K câu kết chặt chẽ với nhau để thực hiện việc vận chuyển trái phép chất ma túy khi được H và Tha thuê. Khối lượng ma túy bị bắt quả tang là 4.860,3689 gram ma túy và 02 lần vận chuyển với khối lượng 2kg ma túy loại Ketamine và 2000 viên ma túy tổng hợp dạng viên nén, từ huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh về Thành phố Hồ Chí Minh giao cho H. Ngoài ra T còn tàng trữ trái phép chất ma túy có khối lượng 14, 1416 gram Methamphetamine.

Đối với Lim Sothea và BB cùng thực hiện hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy từ Campuchia vào Việt Nam với tổng khối lượng 4.860,3689 gram, cùng 01 khẩu súng quân dụng K59 và 06 viên đạn quân dụng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Phùng Hồng H (H), Nguyễn Thị Ngọc T1 (Út), Ngô QA, Lê Quốc T2 và Nguyễn TS đã cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo Phạm Hồng T, Triệu Quang K, Nguyễn Hoàng S, LS và BB đã cấu thành tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của T cất giữ ma túy có khối lượng 14,1416 gram Methamphetamine đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của Lim soThea và BB vận chuyển 01 khẩu súng K59 và 06 viên đạn từ Campuchia vào Việt Nam đã cấu thành tội “vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng” theo điểm b khoản 2 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo:

Đây là vụ án có tổ chức, các bị cáo câu kết chặt chẽ với nhau trong việc mua bán và vận chuyển chất ma túy. Trong đó bị cáo Phùng Hồng H là người chủ mưu, cầm đầu, điều hành đường dây mua bán ma túy từ Campuchia về Việt

Nam tiêu thụ. Khối lượng ma túy bị cáo trực tiếp mua bán là rất lớn 8.781,5027 gram, với nhiều loại ma túy. Bản thân bị cáo H có 01 tiền án về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm m khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự, bị cáo chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm nguy hiểm.

Bị cáo Phạm Hồng T là kẻ cầm đầu trong hoạt động vận chuyển chất ma túy từ Campuchia về biên giới Việt Nam, sau đó tiếp tục vận chuyển về Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo đã trực tiếp liên lạc với các chủ hàng nước ngoài, thỏa thuận giá cả và địa điểm giao nhận ma túy, phân công nhiệm vụ cho K và S trong hoạt động vận chuyển ma túy. Khối lượng ma túy bị cáo chỉ huy, điều hành vận chuyển có khối lượng lớn 4.860,37 gram, gồm nhiều loại ma túy. Cùng một lúc bị cáo phạm nhiều tội, bị cáo còn bị kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về nhân thân, vai trò và tính chất hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm là đặc biệt nghiêm trọng, xét bị cáo H và T không còn khả năng giáo dục, cải tạo nên áp dụng mức hình phạt cao nhất loại bỏ vĩnh viễn các bị cáo khỏi đời sống xã hội là có căn cứ đúng pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay tuy bị cáo T có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới là có ông nội là người có công với cách mạng được tặng thưởng nhiều huân chương nhưng xét khối lượng ma túy mà bị cáo vận chuyển là lớn nên cần loại bỏ bị cáo khỏi xã hội nên không có căn cứ giảm án cho bị cáo.

Đối với các bị cáo Lê Quốc T2, Nguyễn Thị Ngọc T1 tham gia với vai trò giúp sức tích cực trong đường dây mua bán ma túy của Phùng Hồng H, còn Triệu Quang K, Nguyễn Hoàng S tham gia vai trò đồng phạm là người thực hành, trực tiếp vận chuyển ma túy theo sự chỉ đạo, điều hành của Phạm Hồng T.

Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo không xuất trình được thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Quốc T2, Nguyễn Thị Ngọc T1, Triệu Quang K, giữ nguyên quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo nay. Đối với bị cáo S đã có đơn xin rút kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo S.

Đối với bị cáo Buy Bunly và LS là hai bị cáo có quốc tịch Campuchia đã trực tiếp vận chuyển ma túy và súng quân dụng vào Việt Nam, trong đó bị cáo LS có vai trò chính nhận ma túy từ tên Thu và tiếp tục rủ thêm BB vận chuyển vào Việt Nam với khối lượng ma túy lớn hơn 4kg. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử

phạt bị cáo LS mức án tử hình, xử phạt BB mức án tù chung thân là thỏa đáng. Các bị cáo cho rằng không biết trong ba lô có ma túy và súng là không có căn cứ, quá trình điều tra các bị cáo cho rằng không có phiên dịch và bị điều tra viên dụ cung là không có cơ sở chấp nhận vì căn cứ vào biên bản phạm tội quả tang và quá trình điều tra thì có đầy đủ phiên dịch, cũng như người chứng kiến, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và lời khai của hai bị cáo này phù hợp với lời khai của bị cáo Phùng Hồng H. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lim Sothea và BB.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo phát biểu:

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo H:* Thống nhất về tội danh như án sơ thẩm đã tuyên, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án tử hình đối với bị cáo là quá nặng vì bị cáo H không có nghề nghiệp, hoàn cảnh khó khăn, trình độ học vấn thấp, quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là vụ án lớn, xuyên quốc gia, bị cáo H đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để giúp cơ quan điều tra nhanh chóng làm rõ và kết thúc vụ án, vì vậy đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo xuống tù có thời hạn.

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo T1:* Theo nội dung đơn kháng cáo thì bị cáo T1 chỉ xin giảm nhẹ hình phạt và không có kháng cáo nội dung khác nhưng tại phiên tòa hôm nay bị cáo bổ sung thêm nội dung kháng cáo là đề nghị xem xét trả lại cho bị cáo 6.300USD và 23 lượng vàng SJC nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc bổ sung kháng cáo của bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo đồng phạm với bị cáo H theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự là không phù hợp vì các chứng cứ có tại hồ sơ và qua xét hỏi tại phiên tòa chỉ có đủ cơ sở kết luận bị cáo T1 phạm tội mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T1 chỉ có hành vi là ghi giúp sổ sách cho bị cáo H và giúp H mua bán ma túy thành công 01 lần với khối lượng 01kg ma túy đá, còn lần khác bị cáo chỉ giúp liên lạc với A Linh giao dịch để mua ma túy nhưng H không mua nên không thể quy kết bị cáo là giúp sức tích cực cho H nên bị cáo không phải chịu chung hậu quả về toàn bộ khối lượng ma túy mà bị cáo H mua bán. Bị cáo hoàn toàn không biết H giấu ma túy tại số 73 Thạch Lam. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò của bị cáo T1 mà giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo T1 phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội có tổ chức” là không chính xác vì như trên phân tích bị cáo chỉ giúp sức cho H là nhất thời, không có sự bàn bạc câu kết chặt chẽ, mọi hoạt động mua bán ma túy của H thì T1 không biết và không có sự phân công vai trò cụ thể cho bị cáo T1. Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” là cũng không chính xác vì bị cáo T1 chỉ giúp sức

cho H mua bán trót lọt thành công một lần 01kg ma túy đá. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ như cấp sơ thẩm đã áp dụng thì cũng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ là bị cáo T1 đã tự thú, khai ra những lần phạm tội khác, đồng thời tại phiên tòa hôm nay bị cáo cung cấp thêm hồ sơ, tài liệu thể hiện bị cáo bị bệnh, sức khỏe yếu. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và tuyên trả cho bị cáo 6.300USD và 23 lượng vàng SJC vì đây không phải là số tiền, vàng liên quan đến hoạt động mua bán ma túy.

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo T2 và bị cáo K*: Đối với bị cáo T2 thì Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án tù chung thân là chưa có cơ sở vì trong vụ án này bị cáo T2 chỉ là người giúp sức cho H, không biết rõ khối lượng ma túy mà H mua bán, bị cáo T2 giúp sức với vai trò mờ nhạt là đi cảnh giới, bị cáo là đồng phạm giản đơn, không phải là phạm tội có tổ chức. Đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với bị cáo K thì đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm 2 tình tiết giảm nhẹ mới cho bị cáo là tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để nhanh chóng kết thúc vụ án và bị cáo tự thú. Đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo T*: Thông nhất về tội danh như án sơ thẩm tuyên, tuy nhiên đề nghị xem xét lại tình tiết định khung “phạm tội có tổ chức” đối với bị cáo T vì bị cáo T chỉ là đồng phạm mang tính chất giản đơn. Ngoài ra, quá trình điều tra thì bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra từ đó đã giúp cơ quan điều tra bắt được toàn bộ các bị cáo khác tại chung cư RuBy Land. Quá trình điều tra bị cáo cũng đã tự khai thêm ra những lần vận chuyển ma túy trước đó, vì vậy đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ bị cáo là tự thú theo điểm u khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới là có ông nội là người có công với cách mạng, được tặng thưởng nhiều huân chương, đây là tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo từ tử hình xuống tù chung thân.

- *Luật sư bào chữa cho các bị cáo BB và LS*: Hai bị cáo đều không biết trong ba lô có ma túy và súng. Bị cáo BB chỉ là người xe ôm, các bị cáo chỉ có nhiệm vụ là mang ba lô giao cho Út còn bên trong ba lô có gì thì bị cáo hoàn toàn không biết. Cho đến thời điểm khi Út kêu các bị cáo quay lại Việt Nam để nhận lại ba lô và bị bắt thì cả hai bị cáo mới biết trong ba lô có ma túy. Khi hai bị cáo bị bắt quả tang thì không được phiên dịch đầy đủ và không được đọc lại nội dung mà chỉ được kêu ký vào biên bản. Đồng thời quá trình điều tra thì các biên bản lời khai các bị cáo cũng không được nghe đọc lại, trong biên bản phạm tội quả tang thì không có chữ ký của các bị cáo ký từng trang, quá trình điều tra không thực hiện hỏi, đáp, vụ án chỉ có lời khai của bị cáo mà không có các

chứng cứ khác... Đề nghị tuyên bố hai bị cáo không phạm tội hoặc đề nghị áp dụng quy chế biên giới năm 1983 ký kết giữa Việt nam và Campuchia để giao trả hai bị cáo này cho Campuchia xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Đơn kháng cáo của các bị cáo đúng về hình thức, nội dung nên kháng cáo của các bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo BB thay đổi nội dung kháng cáo từ xin giảm nhẹ hình phạt sang kêu oan, bị cáo cho rằng chỉ là người xe ôm chở bị cáo LS qua Việt Nam để lấy tiền công, không biết trong ba lô có ma túy và súng. Xét kháng cáo này của bị cáo là không cơ sở, vì căn cứ vào lời khai của bị cáo LS thì các bị cáo biết rõ trong ba lô có ma túy. Bị cáo LS được đối tượng tên Thu thuê vận chuyển ma túy vào Việt Nam với giá 500USD và còn được hướng dẫn rủ thêm người để vận chuyển ma túy vào Việt Nam và khi được LS rủ cùng vận chuyển ma túy vào Việt Nam thì bị cáo BB đồng ý ngay và nhận tiền công 200USD. Số ma túy bị bắt quả tang chính là ma túy mà bị cáo H đặt mua của đối tượng tên Tha và H đã thuê T vận chuyển từ Tây Ninh về Thành phố Hồ Chí Minh.

[1] Đây là đường dây tội phạm mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy có tổ chức xuyên quốc gia từ Campuchia về Việt Nam tiêu thụ, do bị cáo Phùng Hồng H cầm đầu, điều hành toàn bộ đường dây, có sự phân công vai trò, nhiệm vụ chặt chẽ, có người cầm đầu, người giúp sức, người thực hành. Đường dây hoạt động phạm tội hết sức tinh vi, xảo quyệt, bị cáo H đã chỉ đạo Nguyễn Thị Ngọc T1 sử dụng mạng xã hội để móc nối, liên lạc, thỏa thuận số lượng, giá cả, cách thức giao nhận và thanh toán tiền. H đã phân công vai trò cho các bị cáo T2, Sơn, QA nhận ma túy, cảnh giới lực lượng chức năng khi các bị cáo T, S, K vận chuyển ma túy từ Tây Ninh về Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi đã nhận ma túy thì H vận chuyển từ chung cư RuBy Land về quán cà phê tại địa chỉ số 73 Thạch Lam, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cất giấu, giao cho QA ghi chép số lượng nhập vào, bán ra. Trong tháng 3/2018 H đã nhiều lần mua ma túy của các đối tượng tên Tha và A Linh, tổng khối lượng ma túy các bị cáo mua bán bị bắt quả tang và thu giữ tại nơi ở là 8.775,2939 gram ma túy gồm các loại: Methamphetamine có khối lượng 3.875,7505 gram; N-Methyl-3,4-Methylenedioxyamphetamine (MDMA) khối lượng 3.547,7082

gram; Ketamine có khối lượng 1.305,1648 gram và Nimwetazepam có khối lượng 46,6668 gram.

[2] Bị cáo Phạm Hồng T là kẻ chỉ huy điều hành hoạt động nhận và vận chuyển ma túy, trực tiếp liên lạc, móc nối với chủ hàng bán ma túy ở Campuchia để chọn thời gian, địa điểm giao nhận ma túy, thỏa thuận giá cả vận chuyển. Từ đầu tháng 3/2018 cho đến ngày bị bắt quả tang 23/3/2018 bị cáo T đã nhiều lần chỉ đạo K qua Campuchia nhận ma túy vận chuyển về Tây Ninh rồi cùng với S vận chuyển về Thành phố Hồ Chí Minh giao cho bị cáo H. Tổng khối lượng ma túy các bị cáo vận chuyển ngày 23/3/2018 bị bắt quả tang là 4.860,3699 gram ma túy. Khi bắt quả tang đối với Phạm Hồng T thì cơ quan điều tra còn thu giữ trong giỏ sách của T 02 gói ma túy có khối lượng 14, 1416 gram Methamphetamine.

[3] LS được người đàn ông tên Thu (không rõ họ tên, địa chỉ) thuê vận chuyển ma túy từ Campuchia về Việt Nam với giá tiền công 500USD, LS rủ thêm BB và một người đàn ông tên Út (không rõ họ tên, địa chỉ) ở khu vực Cửa khẩu Xa Mát cùng tham gia. Ngày 20/3/2018, LS giao cho BB chiếc ba lô có chứa ma túy cùng khẩu súng và tiền công 200USD để chuyển về Việt Nam, BB dùng xe mô tô biển số 1A-5342 chuyển qua đường tiểu ngạch Trạm 2, gần khu vực Cửa khẩu Xa Mát, giao cho Út để tiếp tục chuyển về Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 22/3/2018, Út điện thoại báo cho LS biết không giao được ma túy cho người ở Thành phố Hồ Chí Minh và kêu LS qua Việt Nam nhận lại. LS kêu BB dùng xe mô tô biển số 1A-5342 đến phòng số 7 nhà trọ Phúc Hậu, thuộc ấp Thạnh Tân, xã Thạnh Tây, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận lại ma túy. Khi đến nhà trọ, BB đứng ngoài chờ còn LS vào phòng nhận ba lô, khi vừa ra khỏi phòng thì bị Công an bắt giữ. Tổng khối lượng ma túy bị bắt giữ là 4.860,3699 gram cùng 01 khẩu súng quân dụng K59 và 06 viên đạn quân dụng.

[4] Quá trình điều tra, xét xử các bị cáo đã khai nhận diễn biến hành vi phạm tội như nêu trên. Xét lời khai nhận của các bị cáo là thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của những người chứng kiến, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và phù hợp với tất cả các chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm vào hoạt động quản lý độc quyền của Nhà Nước về cất giữ, vận chuyển, trao đổi các chất ma túy, ngoài ra còn gây mất trật tự trị an xã hội. Hành vi của các bị cáo Phùng Hồng H, Lê Quốc T2 và Nguyễn Thị Ngọc T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Do khối lượng ma túy các bị cáo mua bán là rất lớn và nhiều loại nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung tăng

nặng ***“có từ 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng của các chất đó tương đương với khối lượng ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này”*** theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Hành vi của các bị cáo Phạm Hồng T, Triệu Quang K, Nguyễn Hoàng S, LS và BB đã cấu thành tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, do khối lượng ma túy các bị cáo vận chuyển là 4.860,3699 gram và có nhiều loại nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung tăng nặng ***“có từ 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng của các chất đó tương đương với khối lượng ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này”*** theo điểm h khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Ngoài ra bị cáo Phạm Hồng T còn có hành vi cất giữ khối lượng ma túy 14, 1416 gram Methamphetamine. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình là có căn cứ, đúng pháp luật. Các bị cáo LS và BB ngoài vận chuyển ma túy thì các bị cáo còn vận chuyển vào Việt Nam vũ khí quân dụng là 01 khẩu súng K59 và 06 viên đạn quân dụng, do đó Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội “Vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng” với tình tiết định khung tăng nặng “ vận chuyển qua biên giới” theo điểm b khoản 2 Điều 304 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[5.1] Đây là vụ án có tổ chức, các bị cáo câu kết chặt chẽ với nhau trong việc mua bán và vận chuyển chất ma túy. Trong đó bị cáo Phùng Hồng H là người chủ mưu, cầm đầu, điều hành đường dây mua bán ma túy từ Campuchia về Việt Nam tiêu thụ. Khối lượng ma túy bị cáo trực tiếp mua bán là rất lớn 8.781,5027 gram, với nhiều loại ma túy khác nhau. Bản thân bị cáo có 01 tiền án về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm m khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, bị cáo chưa được xóa án nay lại tiếp tục phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nên bị cáo phải chịu các tình tiết tăng nặng; tái phạm nguy hiểm, phạm tội có tổ chức, phạm tội từ 02 lần trở lên. Bị cáo có 01 thời gian dài sống trong trại cải tạo dưới sự quản lý, giáo dục chặt chẽ của Nhà nước nhưng sau khi ra trại bị cáo lại tiếp tục phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Điều đó chứng tỏ bị cáo là kẻ coi thường pháp luật, khó giáo dục, cải tạo.

Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng xét về nhân thân, vai trò và tính chất hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm là đặc biệt nghiêm trọng, xét bị cáo H không còn khả năng giáo dục, cải tạo nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp

dụng mức hình phạt cao nhất loại bỏ vĩnh viễn bị cáo khỏi đời sống xã hội là có căn cứ, đúng pháp luật nên không có cơ sở để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H, cần giữ nguyên mức án tử hình đối với bị cáo.

[5.2] Đối với các bị cáo Lê Quốc T2, Nguyễn Thị Ngọc T1 tham gia với vai trò giúp sức tích cực trong đường dây mua bán ma túy của Phùng Hồng H, còn Triệu Quang K, Nguyễn Hoàng S tham gia với vai trò đồng phạm là người thực hành, trực tiếp vận chuyển ma túy theo sự chỉ đạo, điều hành của Phạm Hồng T. Các bị cáo là những mắt xích quan trọng trong đường dây mua bán, vận chuyển ma túy xuyên quốc gia, có sự cấu kết, liên lạc chặt chẽ, tinh vi, theo sự điều hành chỉ đạo của bị cáo H và T, hành vi được lặp lại nhiều lần. Do đó các bị cáo này cũng phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội có tổ chức”. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự cũng như đánh giá về nhân thân, vai trò của từng bị cáo trong vụ án và xử phạt bị cáo T1, K, T2 mức án tù chung thân là phù hợp, không nặng. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo này không xuất trình thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo này.

[5.3] Đối với Bị cáo Phạm Hồng T là kẻ chủ mưu, cầm đầu trong hoạt động vận chuyển chất ma túy từ Campuchia về biên giới Việt Nam, sau đó tiếp tục vận chuyển về Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo đã trực tiếp liên lạc với các chủ hàng nước ngoài, thỏa thuận giá cả và địa điểm giao nhận ma túy, phân công nhiệm vụ cho K và S trong hoạt động vận chuyển ma túy. Khối lượng ma túy bị cáo chỉ huy, điều hành vận chuyển có khối lượng lớn 4.860,37 gram, gồm nhiều loại ma túy. Cùng một lúc bị cáo phạm nhiều tội, bị cáo còn bị kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, có tình tiết tăng nặng phạm tội có tổ chức. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng mức hình phạt cao nhất, loại bỏ vĩnh viễn bị cáo khỏi đời sống xã hội là có căn cứ. Tuy nhiên, xét bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để bắt được toàn bộ nhóm bị cáo mua bán trái phép chất ma túy, từ đó giải quyết vụ án một cách nhanh chóng, bị cáo nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, quá trình điều tra, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đặc biệt quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện khai báo ra những lần vận chuyển ma túy cho bị cáo H trước đó, lời khai này của T phù hợp với lời khai của bị cáo H, đây là tình tiết giảm nhẹ “ người phạm tội tự thú” theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo. Ngoài ra, trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo xuất trình thêm tình tiết mới theo khoản 2

Điều 51 Bộ luật Hình sự là có ông nội tên Phạm Văn Lợi là người có công với cách mạng được tặng thưởng nhiều huân chương, cụ thể: Được Mặt trận dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam tặng Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng nhất, hạng nhì, hạng 3, đồng thời trong quá trình công tác ông Lợi còn được tặng nhiều Bằng Khen do có nhiều thành tích đóng góp trong công tác thương binh, xã hội. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Hồng T, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo từ tử hình xuống chung thân là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Xã hội Chủ nghĩa.

[5.4] Đối với các bị cáo LS và BB cùng thực hiện hành vi vận chuyển khối lượng lớn ma túy và 01 khẩu súng quân dụng K59 cùng 06 viên đạn. Trong đó bị cáo LS là kẻ trực tiếp gặp gỡ, giao dịch, thỏa thuận giá cả, nhận tiền công vận chuyển và nhận ma túy từ đối tượng tên Thu đem về nhà cất giấu rồi tiếp tục rủ rê, lôi kéo BB và đối tượng tên Út cùng tham gia vận chuyển ma túy về Việt Nam để từ đó giao cho đối tượng khác vận chuyển về Thành phố Hồ Chí Minh, do đó bị cáo LS có vai trò cao hơn bị cáo BB. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo BB và xử phạt bị cáo mức án tù chung thân về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy và 05 năm tù về tội vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng là đúng với tính chất hành vi và vai trò của bị cáo nên không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5.5] Riêng đối với bị cáo LS, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo không có tình tiết tăng nặng, sau khi bị bắt quả tang vào ngày 22/3/2018 thì bị cáo đã tự nguyện và tích cực hợp tác với cơ quan điều tra, khai báo ra những đối tượng thuê vận chuyển ma túy, đối tượng nhận ma túy tại Việt Nam, đặc biệt đã tích cực giúp cơ quan điều tra nhanh chóng khám phá và bắt toàn bộ các bị cáo trong đường dây mua bán, vận chuyển ma túy, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo LS giảm hình phạt từ tử hình xuống chung thân đối với tội Vận chuyển trái phép chất ma túy.

[5.6] Đối với kháng cáo bổ sung của bị cáo T1 tại phiên tòa phúc thẩm về việc trả lại cho bị cáo 6.300USD và 23 lượng vàng SJC là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[6] Đối với bị cáo Nguyễn Hoàng S đã có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo vào ngày 27/7/2020, xét việc rút đơn kháng cáo của bị cáo S là tự nguyện, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và căn cứ Điều 342 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Hoàng S.

[7] Quan điểm của các luật sư bào chữa cho các bị cáo LS và BB cho rằng cần phải áp dụng Hiệp định Quy chế biên giới giữa Việt Nam – Campuchia ký kết ngày 20/7/1983 trên cơ sở các bị cáo là công dân cư trú tại xã Tro Peng Phlong, huyện Po Nhia Ka Rét, tỉnh Ta Bôn Kha Mum, đây là khu vực biên giới thuộc Điều 12 của Hiệp định trên và đề nghị căn cứ điểm b Điều 16 của Hiệp định: *“Trường hợp công dân của một nước vi phạm pháp luật của nước bên kia (cướp của, hành hung, buôn lậu ...) chính quyền địa phương cần kịp thời bắt giữ, lập biên bản rồi giao người và tang vật cho chính quyền bên phía công dân đó xử lý”*. Xét quan điểm nêu trên của các luật sư là không có căn cứ bởi lẽ các bị cáo này là một mắt xích quan trọng trong đường dây mua bán, vận chuyển ma túy xuyên quốc gia, một loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, các bị cáo này cùng với đối tượng tên Út đã vận chuyển ma túy vào sâu nội địa Việt Nam (Bến xe TP Tây Ninh) khi không giao được ma túy cho đối tượng đến đến nhận tại bến xe thành phố Tây Ninh thì cá bị cáo lại vận chuyển ngược lại huyện Tân Biên thì bị bắt quả tang. Căn cứ Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính Phủ (tại số thứ tự 21 của Phụ lục) thì xã Thạnh Tây, huyện Tân Biên nơi xảy ra tội phạm không thuộc khu vực biên giới và không có tài liệu nào thể hiện hai bị cáo thuộc đối tượng được miễn trừ ngoại giao hoặc lãnh sự.

[8] Hơn nữa theo điểm a Điều 19 của Hiệp định Quy chế biên giới giữa Việt Nam – Campuchia ký kết ngày 20/7/1983 nêu rõ *“Hiệp định này có giá trị trong năm năm kể từ khi Hiệp ước về nguyên tắc giải quyết vấn đề biên giới giữa nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Nhân dân Cam-pu-chia ký ngày 20 tháng 7 năm 1983 có hiệu lực. Ba tháng trước khi hết hạn, nếu không Bên nào nêu ý muốn hủy bỏ Hiệp định thì Hiệp định này mặc nhiên được gia hạn thêm một thời hạn năm năm nữa”*. Như vậy, đến thời điểm hiện nay thì Hiệp định này đã hết hiệu lực.

[9] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phùng Hồng H, Nguyễn Thị Ngọc T1, Lê Quốc T2, Triệu Quang K, BB, giữ nguyên quyết định hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo này là có căn cứ.

[10] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Phùng Hồng H, Nguyễn Thị Ngọc T1, Triệu Quang K, Lê Quốc T2 và BB phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Các Bị cáo LS, Phạm Hồng T và Nguyễn Hoàng S không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[11] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo **Phùng Hồng H, Nguyễn Thị Ngọc T1, Triệu Quang K, Lê Quốc T2 và BB**. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 52/2019/HS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án Nhân dân tỉnh Tây Ninh về phần quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

- Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm a, g, h khoản 1 Điều 52; Điều 40 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Phùng Hồng H (H)** tử hình về tội “**Mua bán trái phép chất ma túy**”. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo H được quyền gửi đơn xin ân giảm án tử hình lên Chủ tịch nước.

- Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 39 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc T1 (Út)** tù chung thân về tội “**Mua bán trái phép chất ma túy**”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/3/2018.

- Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 39 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lê Quốc T2** tù chung thân về tội “**Mua bán trái phép chất ma túy**”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/3/2018.

- Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 39 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Triệu Quang K (Cóc)** tù chung thân về tội “**Vận chuyển trái phép chất ma túy**”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/3/2018.

- Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 39 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **BB tù chung thân** về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **BB 05 (năm) năm tù** về tội “Vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng”.

- Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội. Buộc bị cáo **BB phải chấp hành hình phạt chung là tù chung thân**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/3/2018.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

2. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **LS và Phạm Hồng T (Đại)**. Sửa bản án sơ thẩm số 52/2019/HS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án Nhân dân tỉnh Tây Ninh về phần quyết định hình phạt đối với các bị cáo LS và Phạm Hồng T.

Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 250; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 39 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **LS tù chung thân** về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **LS 06 (sáu) năm tù** về tội “Vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội. Buộc bị cáo **LS phải chấp hành hình phạt chung là tù chung thân**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/3/2018.

Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 250; điểm r, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 39 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Phạm Hồng T (Đại) tù chung thân** về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Phạm Hồng T (Đại) 07 (bảy) năm tù** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt cả hai tội, buộc bị cáo **Phạm Hồng T (Đại)** phải chấp hành hình phạt chung là tù chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/3/2018.

Căn cứ Điều 342 và 348 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Chấp nhận việc rút kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng S (S Chim).

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Hoàng S (S Chim) phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Bản án sơ thẩm số 52/2019/HS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án Nhân dân tỉnh Tây Ninh có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Nguyễn Hoàng S (S Chim) kể từ ngày 17/9/2020.

3. Không chấp nhận kháng cáo bổ sung của bị cáo Nguyễn Ngọc T1 về việc trả lại cho bị cáo 6.300USD và 23 lượng vàng SJC.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo **Phùng Hồng H, Nguyễn Thị Ngọc T1, Triệu Quang K, Lê Quốc T2 và BB** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các Bị cáo **LS, Phạm Hồng T (Đại)** và **Nguyễn Hoàng S (S Chim)** không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC
- VKSNDTC
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- CA tỉnh Tây Ninh;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tây Ninh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Sở tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- các bị cáo;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Thịnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Minh

Nguyễn Văn H

Hoàng Minh Thịnh